TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2019/DS-ST
Ngày: 03/9/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bế Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2018/TLST–DS, ngày 01 tháng 06 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2889/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3382/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984.

(Văn bản ủy quyền số: 078/2019/UQ-TTT, ngày 02 tháng 01 năm 2019).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phòng 512 chung cư 47-57 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2018, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11 tháng 6 năm 2008, ông Nguyễn Mạnh H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 144.619.899 (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 107.037.000 (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01 tháng 6 năm 2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2019, ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 37.582.899 đồng
- Lãi quá hạn: 173.527.852 đồng
- Tổng cộng: 211.110.751 đồng

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H buộc phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2019 là: 211.110.751 (Hai trăm mười một triệu một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi mốt) đồng và ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03 tháng 9 năm 2019, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 11 tháng 06 năm 2008. Đây là vụ án dân sự do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại Quận 1 nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03 tháng 9 năm 2019, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Ông Nguyễn Mạnh H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng cho ông H, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 144.619.899 (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 107.037.000 (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01 tháng 6 năm 2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Xét việc ông Nguyễn Mạnh H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, số thẻ 472075-8528 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là hoàn toàn tự nguyện, ông Nguyễn Mạnh H là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và ông H đã sử dụng dịch vụ thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là: 144.619.899

(Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng nhưng mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 107.037.000 (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Xét thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cung cấp dịch vụ thấu chi cho ông Nguyễn Mạnh H theo đúng thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, số thẻ 472075-8528. Ông H đã sử dụng dịch vụ thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là: 144.619.899 (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng nhưng mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 107.037.000 (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2010 đến nay.

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 22, Điều 23 Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền ông H đã sử dụng dịch vụ thấu chi theo thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, số thẻ 472075-8528 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù bị đơn ông Nguyễn Mạnh H đã sử dụng dịch vụ thấu chi và nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01 tháng 6 năm 2010 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Mạnh H phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền ông H còn thiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tạm tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2019 là: 211.110.751 (Hai trăm mười một triệu một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi mốt) đồng, gồm:

- Nợ gốc: 37.582.899 đồng
- Lãi quá hạn: 173.527.852 đồng
- Tổng cộng: 211.110.751 đồng

Kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Mạnh H còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), số thẻ 472075-8528 (Tạm tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2019) là: 211.110.751 (Hai trăm mười một triệu một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi mốt) đồng, gồm:

- Nợ gốc: 37.582.899 đồng.
- Lãi quá hạn: 173.527.852 đồng.
- Tổng cộng: 211.110.751 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Mạnh H còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí là: 10.555.537 (Mười triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.779.782 (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0023042 ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Diệu Linh